CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai

Ngày 31/12/2024	6,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.5%	**-2.9%**	**-9.5%**

DT thuần
Q4/24
325
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 34.0| 11.7%
YoY: ▼540| -62.4%

LN thuần
Q4/24
8.64
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.28| 266%
YoY: ▼48.7| -84.9%

LN sau thuế
Q4/24
6.35
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.66| 2148%
YoY: ▼39.4| -86.1%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
5.7%
YoY: +/-▼ 2.7%

ROE
2024
0.9%
YoY: +/-▼ 4.0%

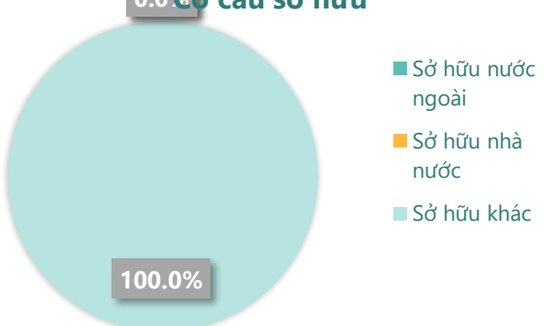
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,400 - 8,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	478
Số lượng CPLH (CP)	71,403,929
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,840
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.25
EPS	116
P/E	57.7

DT thuần
2024
1,597
tỷ VNĐ
YoY: ▼591| -27.0%

LN thuần
2024
14.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼39.0| -72.8%

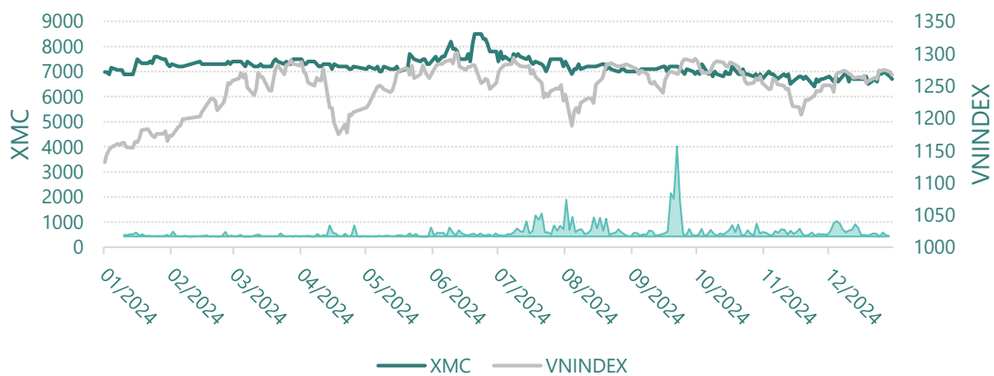
LN sau thuế
2024
8.73
tỷ VNĐ
YoY: ▼33.6| -79.4%

Cơ cấu sở hữu

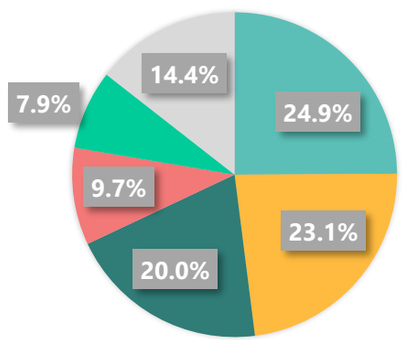


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

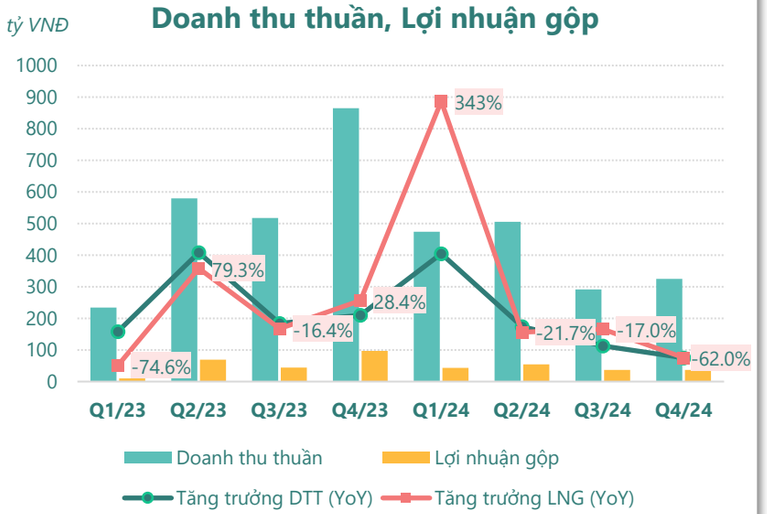


- Nguyễn Minh Trang
- Đinh Thị Thanh Hà (Thành viên HĐQT)
- Bùi Khắc Sơn (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Phương Lan
- Nguyễn Thị Thu Huyền
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

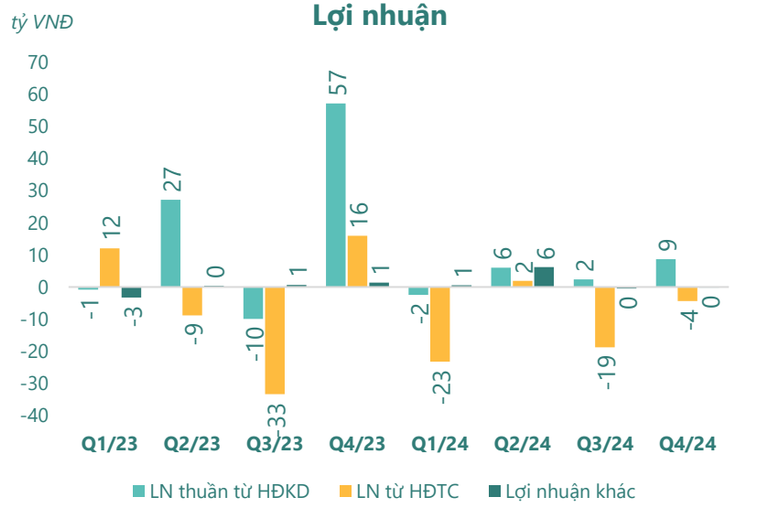
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



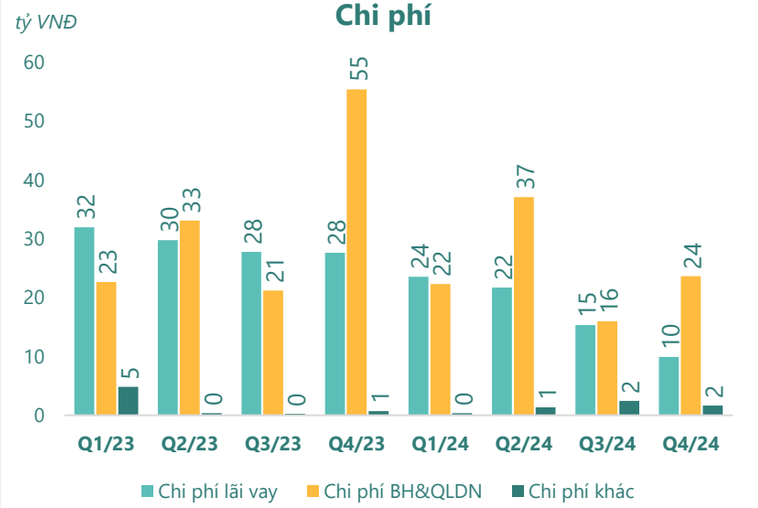
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



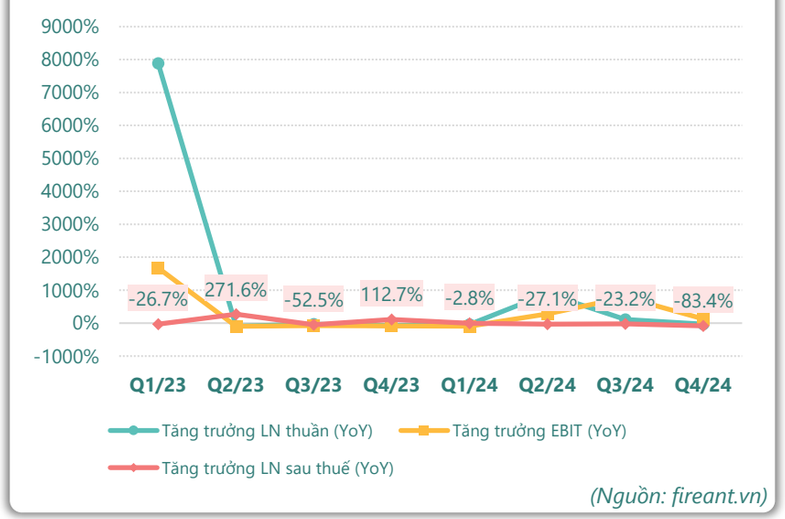
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



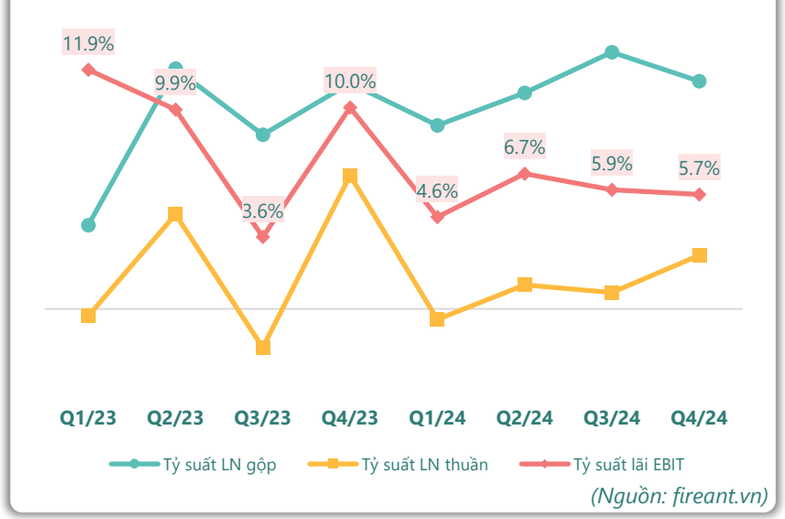
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



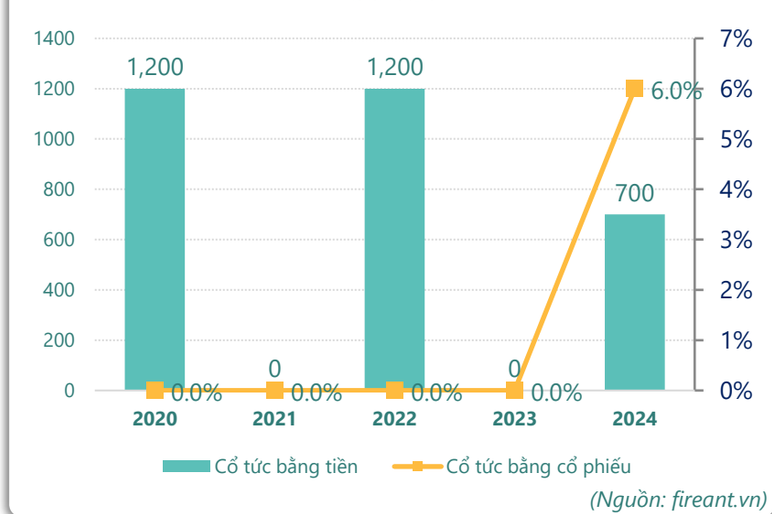
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

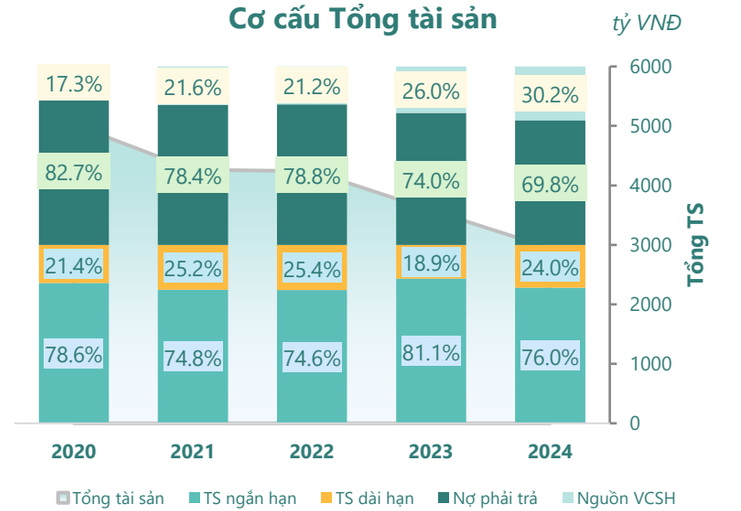
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

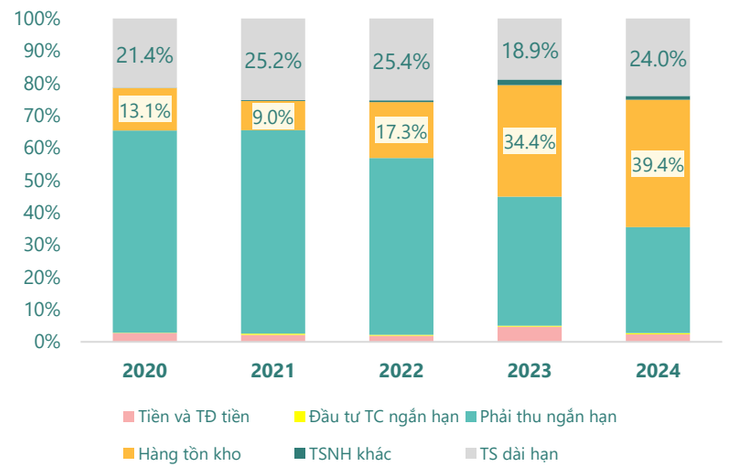
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



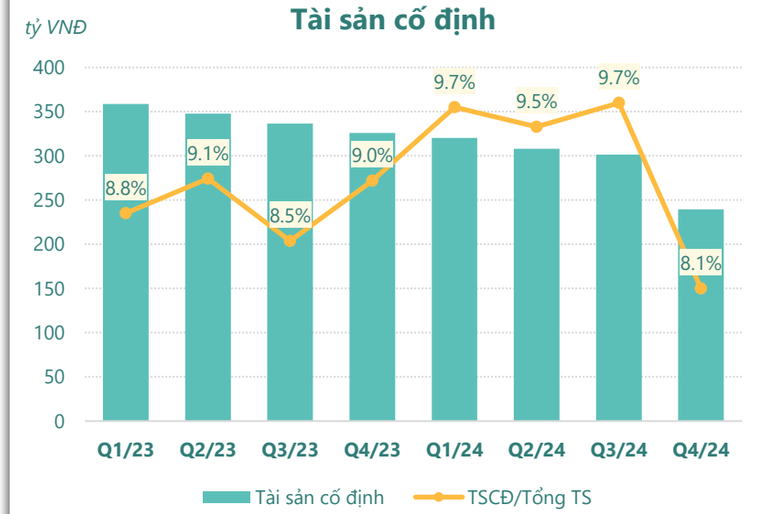
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



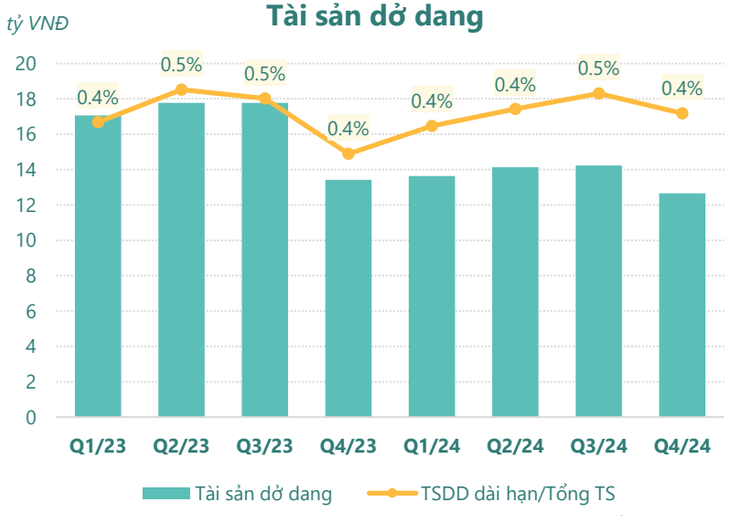
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



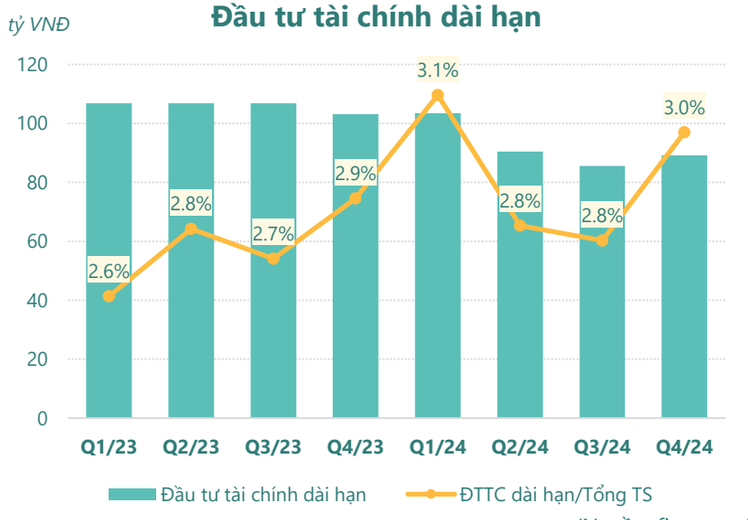
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



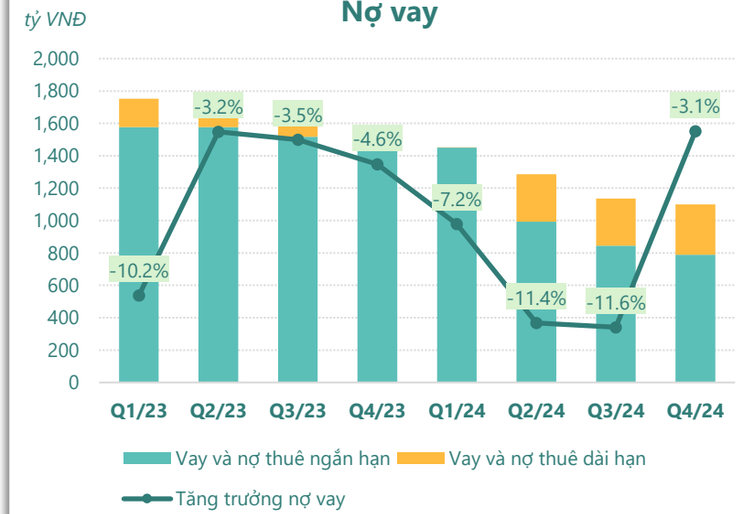
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

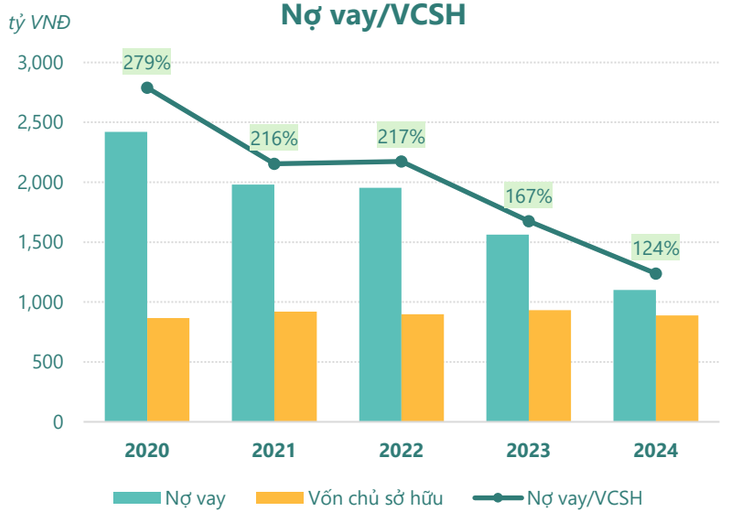
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

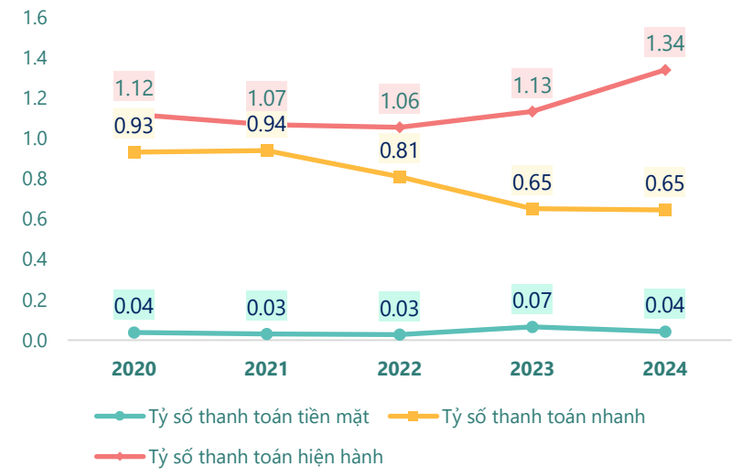
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



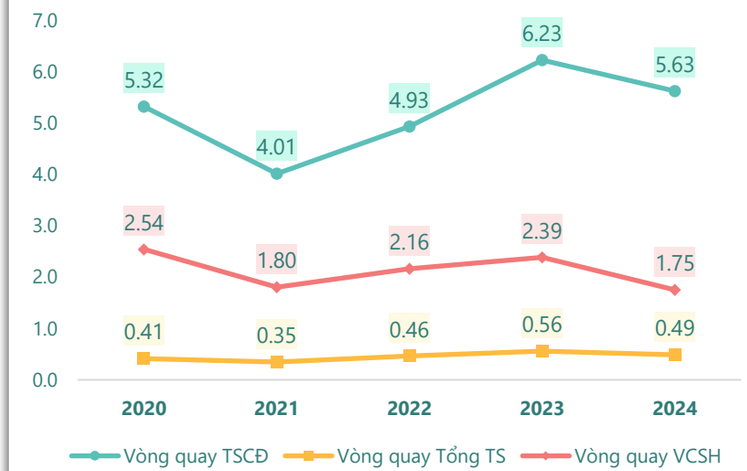
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



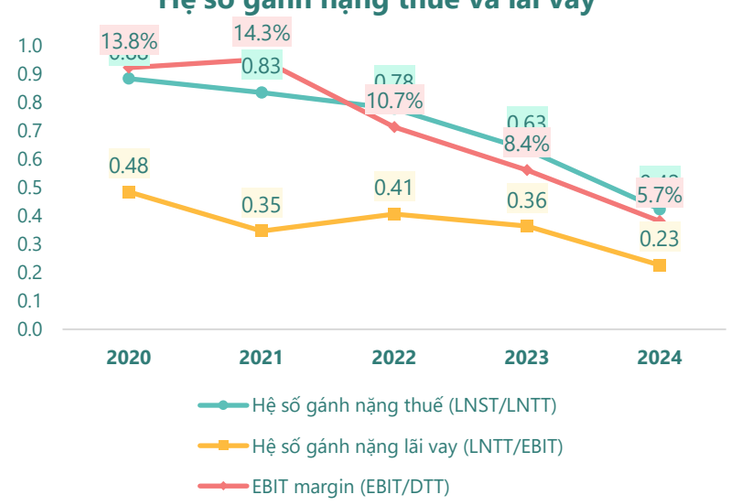
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



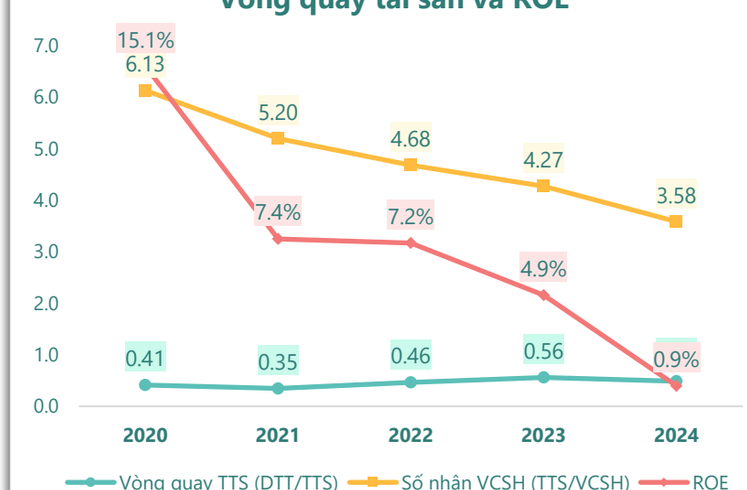
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



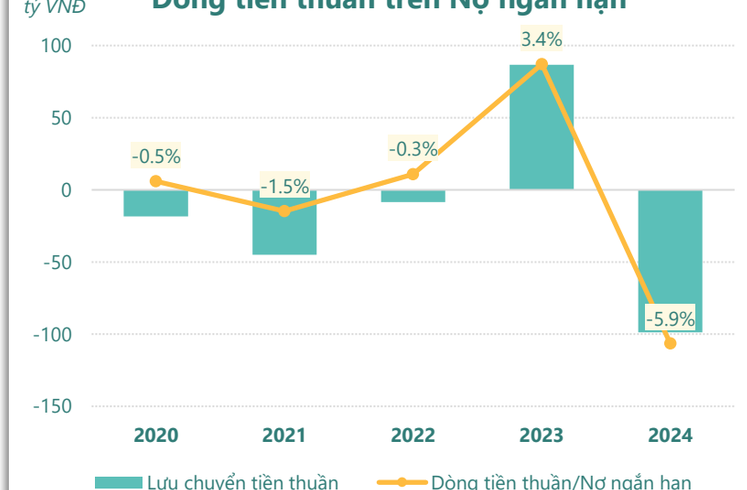
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**325**	**865**	**-62.4%**	**1,597**	**2,188**	**-27.0%**
Giá vốn hàng bán	288	768	-62.4%	1,425	1,984	-28.2%
Lợi nhuận gộp	36.7	96.8	-62.1%	171	204	-15.9%
Doanh thu HĐTC	2.13	38.3	-94.4%	26.4	104	-74.6%
Chi phí TC	6.55	22.4	-70.8%	71.0	118	-39.6%
Chi phí lãi vay	9.94	27.7	-64.1%	70.6	117	-39.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**-13.0**	**-0.37**	**-3426%**
Chi phí bán hàng	0.70	2.75	-74.6%	2.69	5.75	-53.2%
Chi phí QLDN	**23.0**	**52.7**	**-56.4%**	**96.4**	**130**	**-26.1%**
LN thuần từ HĐKD	8.64	57.3	-84.9%	14.5	53.5	-72.8%
Lợi nhuận khác	**-0.14**	**1.40**	**-110%**	**6.08**	**13.3**	**-54.4%**
LN trước thuế	8.50	58.7	-85.5%	20.6	66.8	-69.1%
Lợi nhuận sau thuế	**6.35**	**45.7**	**-86.1%**	**8.73**	**42.3**	**-79.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.98**	**46.3**	**-89.2%**	**8.30**	**45.2**	**-81.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	23.9	63.9	47.7	305	-14.7	44.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.09	75.8	0.13	29.8	-2.72	6.27
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-48.3	-75.3	-160	-168	-151	-35.7
Tiền đầu kỳ	138	114	169	56.4	223	55.1
Lưu chuyển tiền thuần	**-24.3**	**64.3**	**-113**	**167**	**-168**	**15.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.01	0	0.00	0	-0.01
Tiền cuối kỳ	114	178	56.4	223	55.1	70.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,946**	**3,584**	**-17.8%**
Tài sản ngắn hạn	2,240	2,906	-22.9%
Tiền và tương đương tiền	70.3	169	-58.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	10.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	964	1,431	-32.6%
Hàng tồn kho	1,161	1,234	-5.9%
Tài sản ngắn hạn khác	35.0	62.6	-44.0%
Tài sản dài hạn	**706**	**677**	**4.2%**
Phải thu dài hạn	116	19.1	505%
Tài sản cố định	239	328	-27.1%
Bất động sản đầu tư	243	208	16.9%
Tài sản dở dang	12.7	13.5	-6.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	89.2	103	-13.8%
Tài sản dài hạn khác	**6.19**	**5.58**	**10.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,057	2,651	-22.4%
Nợ ngắn hạn	**1,672**	**2,564**	**-34.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	789	1,562	-49.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	418	649	-35.7%
Nợ dài hạn	385	86.6	345%
Vay và nợ thuê dài hạn	311	0.79	39162%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**889**	**933**	**-4.7%**
Vốn chủ sở hữu	**889**	**933**	**-4.7%**
Vốn điều lệ	714	674	6.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)